

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ -
Thương mại Ngọc Nghĩa**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa **Báo cáo của Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa trình bày báo cáo của Hội đồng Quản trị và báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Thông tin về Công ty

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh 18 lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301427028 ngày 20 tháng 7 năm 2011.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh có giá trị trong thời hạn không xác định.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô IV – 22, Đường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hội đồng Quản trị	Ông La Văn Hoàng	Chủ tịch
	Bà La Bùi Hồng Ngọc	Phó Chủ tịch
	Bà Bùi Bích Hồng	Thành viên
	Ông La Hoài Nam	Thành viên
	Ông La Bùi Hoàng Nghĩa	Thành viên
	Ông Jean-Eric Jacquemin	Thành viên (từ ngày 26 tháng 5 năm 2014)
Ban Tổng Giám đốc	Ông La Văn Hoàng	Tổng Giám đốc
	Bà La Bùi Hồng Ngọc	Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh và Quan hệ Đối ngoại
	Bà Nguyễn Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc Tài chính và Đầu tư
	Ông La Bùi Hoàng Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc Tiếp thị
	Bà Nguyễn Bạch Kim Vy	Phó Tổng Giám đốc Nhân sự
	Bà Đào Thị Thuận	Phó Tổng Giám đốc Cung ứng và Điều vận
	Bà Nguyễn Thị Châu	Giám đốc Quản trị Rủi Ro
	Ông Đặng Thái Bình	Giám đốc Pháp chế

Kết quả hoạt động và cổ tức

Lợi nhuận thuần cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 23.880.140.686 VND (2013: lỗ thuần 277.659.602.706 VND). Trong năm, Công ty đã hoàn nhập cổ tức chưa thanh toán cho cổ đông là 26.125.039.000 (2013: công bố cổ tức là 52.250.000.000 VND).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính này.

Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán của Công ty là Công ty TNHH KPMG.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Tuyên bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị về báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm. Khi lập các báo cáo tài chính, Hội đồng Quản trị phải:

- Chọn các nguyên tắc kế toán phù hợp và áp dụng các nguyên tắc này một cách thích hợp;
- Đưa ra đánh giá và ước tính hợp lý và thận trọng;
- Tuyên bố việc tuân thủ các nguyên tắc kế toán, trừ những ngoại lệ đã được thuyết minh và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định này không còn phù hợp.

Hội đồng Quản trị xác nhận Công ty đã tuân theo những yêu cầu trên trong việc lập các báo tài chính.

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo việc ghi chép kế toán đúng sổ sách kế toán của Công ty và những sổ sách này cung cấp một cách tương đối chính xác thông tin tài chính của Công ty tại mọi thời điểm. Hội đồng Quản trị cũng có trách nhiệm bảo vệ tài sản của Công ty và do đó có trách nhiệm thực hiện các bước hợp lý nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và bất thường.

Phê duyệt báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính riêng đính kèm, báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Thay mặt Hội đồng Quản trị:

La Văn Hoàng
Chủ tịch

Ngày 12 tháng 3 năm 2015



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 3 năm 2015, được trình bày từ trang 5 đến trang 49.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo kiểm toán số: 14-01-418



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0304-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0436-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2015

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		957.253.949.627	791.523.671.484
Tiền	110	5	30.314.568.295	57.619.034.740
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	552.000.000.000	388.800.000.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		739.155.000.000	573.655.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(187.155.000.000)	(184.855.000.000)
Phải thu ngắn hạn	130	7	247.116.464.404	224.228.533.048
Phải thu khách hàng	131		212.524.040.031	120.351.758.900
Trả trước cho người bán	132		4.624.945.919	3.679.602.233
Phải thu khác	135		93.599.487.905	150.778.480.664
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(63.632.009.451)	(50.581.308.749)
Hàng tồn kho	140	8	72.438.801.176	74.767.495.013
Tài sản ngắn hạn khác	150		55.384.115.752	46.108.608.683
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		8.286.004.442	7.757.786.358
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		33.515.249.636	26.217.965.511
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	154	9	13.582.861.674	12.132.856.814

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		778.658.542.887	833.824.700.648
Các khoản phải thu dài hạn	210		2.341.143.141	5.207.286.106
Tài sản cố định	220		450.322.353.964	488.410.964.663
Tài sản cố định hữu hình	221	10	157.990.897.323	146.898.898.614
<i>Nguyên giá</i>	222		417.273.638.470	372.952.212.761
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(259.282.741.147)	(226.053.314.147)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	11	66.780.336.927	112.352.211.755
<i>Nguyên giá</i>	225		96.288.113.175	146.613.384.184
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(29.507.776.248)	(34.261.172.429)
Tài sản cố định vô hình	227	12	217.673.435.168	218.522.259.016
<i>Nguyên giá</i>	228		225.198.768.974	225.198.768.974
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(7.525.333.806)	(6.676.509.958)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	13	7.877.684.546	10.637.595.278
Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	292.805.724.000	292.805.724.000
Đầu tư vào công ty con	251		426.085.724.000	426.085.724.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(133.280.000.000)	(133.280.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		33.189.321.782	47.400.725.879
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	33.189.321.782	33.447.790.390
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	-	13.952.935.489
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.735.912.492.514	1.625.348.372.132

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.233.696.463.996	1.085.049.523.300
Nợ ngắn hạn	310		1.168.044.312.570	1.001.961.795.749
Vay ngắn hạn	311	17	620.218.187.656	557.124.643.064
Phải trả người bán	312	18	391.522.186.406	230.720.267.853
Người mua trả tiền trước	313		132.565.512.267	169.516.300.816
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	19	571.649.165	466.068.224
Phải trả người lao động	315		17.713.240	22.261.840
Chi phí phải trả	316	20	4.862.960.607	5.380.185.279
Các khoản phải trả khác	319	21	16.302.716.377	36.748.681.821
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		1.983.386.852	1.983.386.852
Vay và nợ dài hạn	330		65.652.151.426	83.087.727.551
Vay và nợ dài hạn	334	22	65.652.151.426	83.087.727.551
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		502.216.028.518	540.298.848.832
Vốn chủ sở hữu	410	23	502.216.028.518	540.298.848.832
Vốn cổ phần	411	24	522.500.000.000	522.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		46.900.000.000	46.900.000.000
Cổ phiếu quỹ	414	24	(88.088.780.000)	(780.000)
Quỹ dự phòng tài chính	418	25	10.973.114.162	10.973.114.162
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	25	192.503.849	192.503.849
Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế)	420		9.739.190.507	(40.265.989.179)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.735.912.492.514	1.625.348.372.132

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2014	31/12/2013
Ngoại tệ		
+ USD	34.732	11.995
+ EUR	566	577

Ngày 12 tháng 3 năm 2015

Người lập:



Đồng Thị Ngọc Triều
Kế toán trưởng

Người duyệt:



La Văn Hoàng
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 02 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
Tổng doanh thu	01	27	1.696.752.982.882	1.758.432.840.854
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	3.502.256.137	415.957.398
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	27	1.693.250.726.745	1.758.016.883.456
Giá vốn hàng bán	11	28	1.544.077.703.014	1.579.333.858.854
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		149.173.023.731	178.683.024.602
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	47.588.484.485	60.015.227.455
Chi phí tài chính	22	30	49.657.420.601	381.829.855.090
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		44.243.601.960	60.462.059.410
Chi phí bán hàng	24		39.506.447.373	48.964.669.863
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		70.381.349.057	99.678.489.348
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		37.216.291.185	(291.774.762.244)
Thu nhập khác	31	31	25.197.805.273	21.550.832.296
Chi phí khác	32	32	23.284.302.731	21.388.608.247
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.913.502.542	162.224.049
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế (50 = 30 + 40)	50		39.129.793.727	(291.612.538.195)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	1.296.717.552	-
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	33	13.952.935.489	(13.952.935.489)
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		23.880.140.686	(277.659.602.706)
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	34	458	(5.314)

Ngày 12 tháng 3 năm 2015

Người lập:



Đồng Thị Ngọc Triều
Kế toán trưởng

Người duyệt:



La Văn Hoàng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

	Mã Thuyết số minh	2014 VND	2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01	39.129.793.727	(291.612.538.195)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	44.063.986.685	44.143.698.265
Các khoản dự phòng	03	15.350.700.702	368.716.308.749
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04	1.010.487.834	(205.251.822)
Xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang	05	52.410.480	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(46.524.192.963)	(56.965.446.509)
Chi phí lãi vay	06	44.243.601.960	60.462.059.410
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	97.326.788.425	124.538.829.898
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(94.205.733.316)	(72.037.274.382)
Biến động hàng tồn kho	10	2.328.693.837	(26.906.492.818)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	122.550.821.664	262.985.611.885
Biến động chi phí trả trước	12	(269.749.476)	(33.770.787.695)
		127.730.821.134	254.809.886.888
Tiền lãi vay đã trả	13	(37.925.944.284)	(60.507.678.423)
Thuế thu nhập đã nộp	14	(2.746.722.412)	(12.132.856.814)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	87.058.154.438	182.169.351.651
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(6.542.035.710)	(23.672.375.054)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	17.616.974.540	17.241.818.184
Tiền chi đầu tư tiền gửi có thời hạn	23	(170.000.000.000)	(50.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư tiền gửi có thời hạn	23	170.000.000.000	-
Tiền chi cho các công ty con vay	23	(198.000.000.000)	(614.050.000.000)
Tiền thu hồi các khoản cho các công ty con vay	24	32.500.000.000	621.380.619.136
Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25	-	(69.000.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	102.036.078.479	11.349.199.996
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(52.388.982.691)	(106.750.737.738)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

	Mã Thuyết số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền chi trả để mua lại cổ phiếu	32		(88.088.000.000)	-
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		1.583.661.152.520	1.726.841.186.877
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.531.356.227.585)	(1.705.398.111.582)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(26.162.910.190)	(32.628.116.976)
Tiền trả cổ tức	36		(27.676.500)	(26.097.284.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(61.973.661.755)	(37.282.326.181)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(27.304.490.008)	38.136.287.732
Tiền đầu năm	60		57.619.034.740	19.482.543.455
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền	61		23.563	203.553
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	30.314.568.295	57.619.034.740

Ngày 12 tháng 3 năm 2015

Người lập:



Đồng Thị Ngọc Triều
Kế toán trưởng



Người duyệt:



La Văn Hoàng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 09 – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất nhựa, khuôn đúc, phụ tùng, nước tinh khiết, soda và nước ngọt; cung cấp các dịch vụ ký gửi và vận chuyển bằng xe ô-tô, in bao bì ngoại trừ bao bì kim loại.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có 369 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 448 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính này là báo cáo tài chính riêng của Công ty và không bao gồm báo cáo tài chính của các công ty con. Đầu tư vào các công ty con được phản ánh theo nguyên giá. Công ty lập các báo cáo tài chính hợp nhất trong đó hợp nhất các báo cáo của Công ty và của các công ty con và phát hành riêng.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 211 tỷ VND (31/12/2013: 210 tỷ VND). Hơn nữa, Công ty có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 17 và Thuyết minh 22). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào khả năng của Công ty có thể phát sinh đủ dòng tiền cho các hoạt động của mình và việc các ngân hàng tiếp tục duy trì đầy đủ và thích hợp các hạn mức tín dụng nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc tin rằng các ngân hàng sẽ không tiếp tục sự hỗ trợ của họ.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 25 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 – 8 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm

(g) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(f).

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

(ii) Nhãn hiệu thương mại

Nhãn hiệu thương mại được thể hiện theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính trước hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập lãi tiền gửi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(p) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(s) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm các công ty con.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Công ty hoạt động trong một hoạt động kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa.

(b) Báo cáo bộ phận chia theo khu vực địa lý

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng cộng	
	2014 VND	2013 VND	2014 VND	2013 VND	2014 VND	2013 VND
Doanh thu bán ra bên ngoài	1.453.268.159.625	1.437.458.282.499	239.982.567.120	320.558.600.957	1.693.250.726.745	1.758.016.883.456
Tài sản bộ phận	1.735.912.492.514	1.625.348.372.132	-	-	1.735.912.492.514	1.625.348.372.132
Chi tiêu vốn	6.542.035.710	23.672.375.054	-	-	6.542.035.710	23.672.375.054

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

5. Tiền

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	5.542.861.655	456.616.605
Tiền gửi ngân hàng	24.771.706.640	57.162.418.135
	30.314.568.295	57.619.034.740

6. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Cho các công ty con vay (*)	689.155.000.000	523.655.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn – ngắn hạn (**)	50.000.000.000	50.000.000.000
	739.155.000.000	573.655.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(187.155.000.000)	(184.855.000.000)
	552.000.000.000	388.800.000.000

(*) Khoản cho các công ty con vay không có đảm bảo và hưởng lãi suất năm từ 6,8% đến 7,0% (2013: 7% đến 9%).

(**) Tiền gửi có kỳ hạn sáu tháng và hưởng lãi suất năm 6,5% (2013: 7,5%).

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	184.855.000.000	-
Tăng dự phòng trong năm	2.300.000.000	184.855.000.000
Số dư cuối năm	187.155.000.000	184.855.000.000

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

7. Phải thu ngắn hạn

Trong phải thu ngắn hạn có các khoản phải thu các bên liên quan sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu từ các công ty liên quan		
Thương mại	112.642.159.020	28.251.143.833
Phi thương mại	89.914.358.729	145.485.644.190

Khoản thương mại phải thu từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng 60 - 120 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Khoản phi thương mại phải thu từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và phải thu theo yêu cầu.

Các khoản phải thu khác bao gồm:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền lãi	89.977.553.173	145.485.644.190
Phải thu khác	3.621.934.732	5.292.836.474
	93.599.487.905	150.778.480.664

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

8. Hàng tồn kho

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Hàng mua đang đi đường	9.489.232.538	-
Nguyên vật liệu	43.204.412.232	40.983.165.939
Công cụ và dụng cụ	207.676.046	1.305.895.048
Sản phẩm dở dang	865.019.734	1.593.962.190
Thành phẩm	13.647.879.526	13.477.679.764
Hàng hóa	413.205.680	2.279.590.981
Hàng gửi đi bán	4.611.375.420	15.127.201.091
	72.438.801.176	74.767.495.013

9. Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp trả trước	13.582.861.674	12.132.856.814

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	29.490.903.073	5.789.234.855	314.056.735.061	23.615.339.772	372.952.212.761
Tăng trong năm	-	81.754.545	6.394.382.963	-	6.476.137.508
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	65.898.202	-	65.898.202
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	-	70.139.291.056	-	70.139.291.056
Thanh lý	-	-	(30.782.711.604)	(1.577.189.453)	(32.359.901.057)
Số dư cuối năm	29.490.903.073	5.870.989.400	359.873.595.678	22.038.150.319	417.273.638.470
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	12.608.911.018	3.059.627.793	202.450.854.470	7.933.920.866	226.053.314.147
Khấu hao trong năm	1.461.113.194	943.081.006	23.193.929.957	2.596.717.705	28.194.841.862
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	-	19.773.717.156	-	19.773.717.156
Thanh lý	-	-	(13.932.469.188)	(806.662.830)	(14.739.132.018)
Số dư cuối năm	14.070.024.212	4.002.708.799	231.486.032.395	9.723.975.741	259.282.741.147
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	16.881.992.055	2.729.607.062	111.605.880.591	15.681.418.906	146.898.898.614
Số dư cuối năm	15.420.878.861	1.868.280.601	128.387.563.283	12.314.174.578	157.990.897.323

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 163.952 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 113.533 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 110.814 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 83.394 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (thuyết minh 17).

11. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	146.613.384.184
Tăng trong năm	17.106.519.795
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	2.707.500.252
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(70.139.291.056)
Số dư cuối năm	96.288.113.175
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	34.261.172.429
Khấu hao trong năm	15.020.320.975
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(19.773.717.156)
Số dư cuối năm	29.507.776.248
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	112.352.211.755
Số dư cuối năm	66.780.336.927

Công ty thuê một số thiết bị sản xuất theo các hợp đồng thuê tài chính khác nhau. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Công ty có quyền lựa chọn mua lại những thiết bị này với giá ưu đãi. Thiết bị thuê được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê (thuyết minh 22).

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	223.271.298.600	1.927.470.374	225.198.768.974
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	5.162.077.687	1.514.432.271	6.676.509.958
Khấu hao trong năm	547.891.560	300.932.288	848.823.848
Số dư cuối năm	5.709.969.247	1.815.364.559	7.525.333.806
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	218.109.220.913	413.038.103	218.522.259.016
Số dư cuối năm	217.561.329.353	112.105.815	217.673.435.168

Trong quyền sử dụng đất có quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định với nguyên giá là 199.433 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 199.433 triệu VND) không tính khấu hao.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ là 9.387 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 7.262 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (thuyết minh 17).

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	10.637.595.278	10.585.184.798
Tăng trong năm	65.898.202	52.410.480
Xóa sổ	(52.410.480)	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(65.898.202)	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	(2.707.500.252)	-
Số dư cuối năm	7.877.684.546	10.637.595.278
Các công trình xây dựng cơ bản dở dang gồm:		
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phần mềm ERP	7.356.980.546	7.409.391.026
Máy móc	-	2.707.500.252
Khác	520.704.000	520.704.000
	7.877.684.546	10.637.595.278

14. Đầu tư vào công ty con

	% sở hữu	31/12/2014 VND	% sở hữu	31/12/2013 VND
Công ty con				
Công ty Cổ phần sữa và bánh kẹo Hoàng Đế	95%	52.280.000.000	95%	52.280.000.000
Công ty Cổ phần PET Quốc tế (*)	98%	78.400.000.000	98%	78.400.000.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú	98%	81.000.000.000	98%	81.000.000.000
Công ty Cổ phần nhựa P.E.T Việt Nam (**)	99%	116.005.724.000	99%	116.005.724.000
Công ty Cổ phần Nắp Quốc tế	99%	98.400.000.000	98%	98.400.000.000
		426.085.724.000		426.085.724.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(133.280.000.000)		(133.280.000.000)
		292.805.724.000		292.805.724.000

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Không có biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm (2013: 133.280 triệu VND).

- (*) Khoản đầu tư này được thế chấp tại ngân hàng Vietcombank để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn cấp cho Công ty Cổ phần PET Quốc tế.
- (**) Khoản đầu tư này được thế chấp tại ngân hàng Vietcombank theo mệnh giá 23.388 triệu VND để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn cấp cho Công ty Cổ phần nhựa P.E.T Việt Nam.

Công ty Cổ phần sữa và bánh kẹo Hoàng Đế

Trước đây là Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông Á, Giấy phép Đầu tư số 4503000074 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 25 tháng 9 năm 2007. Lĩnh vực hoạt động chính của công ty là sản xuất và kinh doanh bánh kẹo và thực phẩm chế biến; sản xuất và chế biến sữa; sản xuất bia.

Công ty Cổ phần PET Quốc tế

Giấy phép đầu tư số 4103006864 ngày 8 tháng 7 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Lĩnh vực hoạt động chính là sản xuất các sản phẩm từ nhựa, buôn bán nguyên liệu hóa chất và các sản phẩm từ nhựa, các loại phụ tùng, khuôn mẫu và thiết bị công nghiệp.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú

Giấy phép đầu tư số 3400811368 ngày 20 tháng 8 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp. Lĩnh vực hoạt động chính là sản xuất thủy sản, nước chấm, sữa và các sản phẩm liên quan, nước uống không cồn; sản xuất các sản phẩm nhựa và cung cấp dịch vụ vận chuyển và vận tải nội địa.

Công ty Cổ phần nhựa P.E.T Việt Nam

Giấy phép đầu tư số 0301466108 ngày 7 tháng 7 năm 1998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Lĩnh vực hoạt động chính là sản xuất các bao bì nhựa.

Công ty Cổ phần Nắp Toàn cầu

Giấy phép đầu tư số 452031000179 ngày 24 tháng 5 năm 2012 do Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp. Lĩnh vực hoạt động chính của công ty sản xuất các sản phẩm nhựa và cấu kiện kim loại.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Nhãn hiệu thương mại (*) VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	1.422.790.390	32.025.000.000	33.447.790.390
Tăng trong năm	909.548.411	-	909.548.411
Phân bổ trong năm	(1.168.017.019)	-	(1.168.017.019)
	1.164.321.782	32.025.000.000	33.189.321.782

(*) Khoản này phản ánh giá trị nhãn hiệu thương mại mua lại từ Công ty Cổ phần sữa và bánh kẹo Hoàng Đế và Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú, các công ty con.

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận trên:		
Giá trị thuế của các khoản lỗ mang sang	-	13.860.316.387
Chi phí phải trả	-	92.619.102
	-	13.952.935.489

17. Vay ngắn hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn	606.755.745.549	534.007.038.667
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (thuyết minh 22)	13.462.442.107	23.117.604.397
	620.218.187.656	557.124.643.064

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Ngân hàng Vietcombank	VND	6,8%	199.240.811.234	316.561.877.376
Ngân hàng Vietcombank	USD	3,8%	199.256.237.315	81.632.929.291
Ngân hàng Bảo Việt	VND	7,0%	23.258.697.000	-
Ngân hàng HSBC	VND	8,0%	-	57.812.232.000
Các công ty liên quan	VND	6,8% - 8,5%	185.000.000.000	78.000.000.000
			606.755.745.549	534.007.038.667

Các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ lần lượt là 110.814 triệu VND và 9.387 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (ngày 31 tháng 12 năm 2013: tài sản cố định hữu hình là 83.394 triệu VND và tài sản cố định vô hình là 7.262 triệu VND) (thuyết minh 10 và thuyết minh 12).

18. Phải trả người bán

Trong phải trả người bán có các khoản phải trả các bên liên quan như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải trả các công ty liên quan	312.496.789.094	197.631.440.584

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

19. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	323.454.774	141.224.050
Thuế thu nhập cá nhân	248.194.391	324.844.174
	571.649.165	466.068.224

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

20. Chi phí phải trả

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Lãi vay phải trả	392,801,604	742,327,274
Lương và thưởng	3.642.741.292	4.056.492.334
Chi phí khác	827.417.711	581.365.671
	4.862.960.607	5.380.185.279

21. Các khoản phải trả khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Lãi vay phải trả các công ty liên quan	15.911.655.570	9.244.472.224
Cổ tức phải trả	-	26.152.715.500
Các khoản phải trả khác	391.060.807	1.351.494.097
	16.302.716.377	36.748.681.821

22. Vay và nợ dài hạn

		31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay dài hạn	(a)	40.000.000.000	59.745.000.000
Nợ thuê tài chính	(b)	39.114.593.533	46.460.331.948
		79.114.593.533	106.205.331.948
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (thuyết minh 17)		(13.462.442.107)	(23.117.604.397)
Hoàn trả sau 12 tháng		65.652.151.426	83.087.727.551

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn và nợ thuê tài chính như sau:

(a) Vay dài hạn

	Loại tiền tệ	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Ngân hàng HSBC	VND	10,8%	2014	-	9.745.000.000
Một công ty liên quan	VND	11,0%	2016	40.000.000.000	50.000.000.000
				40.000.000.000	59.745.000.000

Khoản vay dài hạn từ một công ty liên quan không được đảm bảo và đáo hạn năm 2016.

(b) Nợ thuê tài chính

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính trong tương lai như sau:

	31/12/2014 VND		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Trong vòng một năm	16.811.064.612	3.348.622.505	13.462.442.107
Từ hai đến năm năm	28.615.724.386	2.963.572.960	25.652.151.426
	45.426.788.998	6.312.195.465	39.114.593.533
	31/12/2013 VND		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Trong vòng một năm	22.900.032.880	4.654.928.483	18.245.104.397
Từ hai đến năm năm	32.536.182.135	4.320.954.584	28.215.227.551
	55.436.215.015	8.975.883.067	46.460.331.948

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	(Lỗ lũy kế)/lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	522.500.000.000	46.900.000.000	(780.000)	10.973.114.162	192.503.849	289.643.613.527	870.208.451.538
Lãi thuần trong năm	-	-	-	-	-	(277.659.602.706)	(277.659.602.706)
Cổ tức (thuyết minh 26)	-	-	-	-	-	(52.250.000.000)	(52.250.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	522.500.000.000	46.900.000.000	(780.000)	10.973.114.162	192.503.849	(40.265.989.179)	540.298.848.832
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	23.880.140.686	23.880.140.686
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(88.088.000.000)	-	-	-	(88.088.000.000)
Hoàn nhập cổ tức (thuyết minh 26)	-	-	-	-	-	26.125.039.000	26.125.039.000
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	522.500.000.000	46.900.000.000	(88.088.780.000)	10.973.114.162	192.503.849	9.739.190.507	502.216.028.518

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	52.250.000	522.500.000.000	52.250.000	522.500.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	52.250.000	522.500.000.000	52.250.000	522.500.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(4.004.078)	(88.088.780.000)	(78)	(780.000)
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	48.245.922	434.411.220.000	52.249.922	522.499.220.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Trong năm, biến động vốn cổ phần như sau:

	2014		2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	52.249.922	522.499.220.000	52.249.922	522.499.220.000
Mua cổ phiếu quỹ trong năm	(4.004.000)	(88.088.000.000)	-	-
Số dư cuối năm	48.245.922	434.411.220.000	52.249.922	522.499.220.000

Vào ngày 19 tháng 9 năm 2014, Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam đã phán quyết việc Công ty mua lại 4.004.000 cổ phiếu quỹ từ Red River Holding với giá 22.000 VND một cổ phiếu. Cổ phiếu quỹ này đã được mua lại vào tháng 12 năm 2014.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, danh sách các cổ đông của Công ty như sau:

	Số cổ phiếu	%
Ông La Văn Hoàng	15.822.496	32,80%
Bà Bùi Bích Hồng	9.746.823	20,20%
Bà La Bùi Hồng Ngọc	9.586.963	19,87%
Red River Holding	1.633.874	3,39%
Cổ đông khác	11.455.766	23,74%
	48.245.922	100%

25. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

(i) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập như dự phòng cho các rủi ro kinh doanh chung trong tương lai của Công ty.

(ii) Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Được phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối căn cứ trên tỷ lệ phần trăm do cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên. Quỹ này dùng cho chi phí Hội đồng Quản trị Công ty.

26. Cổ tức

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông của Công ty ngày 26 tháng 5 năm 2014 quyết định hoàn nhập cổ tức chưa thanh toán cho cổ đông là 26.125 triệu VND (2013: cổ tức được công bố 52.250 triệu VND).

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

27. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2014 VND	2013 VND
Tổng doanh thu		
Hàng hóa đã bán	1.696.752.982.882	1.757.405.046.456
Cung cấp dịch vụ	-	1.027.794.398
	1.696.752.982.882	1.758.432.840.854
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	(3.502.256.137)	(415.957.398)
Doanh thu thuần	1.693.250.726.745	1.758.016.883.456

28. Giá vốn hàng bán

	2014 VND	2013 VND
Thành phẩm đã bán	520.068.000.951	490.039.287.826
Hàng hóa đã bán	1.024.009.702.063	1.089.027.282.466
Dịch vụ đã cung cấp	-	267.288.562
	1.544.077.703.014	1.579.333.858.854

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	2014 VND	2013 VND
Lãi tiền gửi	46.527.987.462	47.806.367.225
Cổ tức	-	10.056.840.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.060.497.023	1.844.063.666
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	205.251.822
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	102.704.742
	47.588.484.485	60.015.227.455

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

30. Chi phí tài chính

	2014 VND	2013 VND
Chi phí lãi vay	44.243.601.960	60.462.059.410
Dự phòng giảm giá đầu tư	2.300.000.000	318.135.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.103.330.807	3.169.641.466
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.010.487.834	-
Chi phí khác	-	63.154.214
	49.657.420.601	381.829.855.090

31. Thu nhập khác

	2014 VND	2013 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	17.616.974.540	17.241.818.184
Thu nhập khác	7.580.830.733	4.309.014.112
	25.197.805.273	21.550.832.296

32. Chi phí khác

	2014 VND	2013 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã thanh lý	17.620.769.039	18.139.578.900
Chi phí khác	5.663.533.692	3.249.029.347
	23.284.302.731	21.388.608.247

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

33. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2014 VND	2013 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	1.037.983.181	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	258.734.371	-
	1.296.717.552	-
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	92.619.102	(92.619.102)
Lợi ích của lỗ tính thuế được sử dụng/(ghi nhận)	13.860.316.387	(13.860.316.387)
	13.952.935.489	(13.952.935.489)
	15.249.653.041	(13.952.935.489)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	39.129.793.727	(291.612.538.195)
Thuế theo thuế suất Công ty	8.608.554.620	(72.903.134.549)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác	622.276.218	9.014.878.475
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.458.526.327	653.542.660
Thu nhập không bị tính thuế	-	(2.514.210.000)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	258.734.371	-
	11.948.091.536	(65.748.923.414)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	3.301.561.505	51.795.987.925
	15.249.653.041	(13.952.935.489)

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Chênh lệch tạm thời	Giá trị tính thuế	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	250.443.406.499	55.097.549.430	235.436.308.749	51.795.987.925

Theo các quy định thuế hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

(d) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% trên lợi nhuận chịu thuế, ngoại trừ hoạt động kinh doanh tại nhà máy ở Huyện Củ Chi của Công ty, chịu thuế suất thu nhập là 15%.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

34. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lợi nhuận/(lỗ) thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền tại ngày kết thúc năm, được tính như sau:

(i) Lợi nhuận/(lỗ) thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận/(lỗ) thuộc về cổ đông phổ thông	23.880.140.686	(277.659.602.706)

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(ii) Số cổ phiếu bình quân gia quyền

	2014	2013
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	52.249.922	52.249.922
Ảnh hưởng của việc mua lại cổ phiếu quỹ trong năm	(153.578)	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối năm	52.096.344	52.249.922

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty không có cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm ẩn.

35. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, Công ty hướng đến phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản cho các công ty con vay.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính và giá trị của các hợp đồng bảo lãnh tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền gửi ngân hàng	(ii)	24.771.706.640	57.162.418.135
Đầu tư ngắn hạn (tiền gửi kỳ hạn)	(ii)	50.000.000.000	50.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn (cho các công ty con vay)	(iii)	502.000.000.000	338.800.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(iv)	242.491.518.485	220.548.930.815
Hợp đồng bảo lãnh đã phát hành	(v)	499.533.785.442	450.360.273.278
		1.318.797.010.567	1.116.871.622.228

(ii) Tiền gửi ngân hàng và tiền gửi kỳ hạn

Tiền gửi ngân hàng và tiền gửi kỳ hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(iii) Cho các công ty con vay

Các khoản cho các công ty con vay nhằm hỗ trợ các công ty này trong giai đoạn phát triển. Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng các khoản cho vay này có thể thu hồi khi các công ty con hoạt động hết công suất.

(iv) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 60 đến 120 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 60 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Công ty. Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Tuổi nợ của các khoản phải thu thương mại và phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	11.663.665.613	7.829.650.615
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	887.343.253	15.173.601.256
Quá hạn trên 180 ngày	595.968.808	4.280.170.819
	13.146.977.674	27.283.422.690

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	50.581.308.749	-
Tăng dự phòng trong năm	13.050.700.702	50.581.308.749
Số dư cuối năm	63.632.009.451	50.581.308.749

(v) Bảo lãnh

Chính sách của Công ty là cung cấp các bảo lãnh tài chính cho các công ty con. Tại ngày báo cáo, các khoản bảo lãnh chưa thanh toán như sau:

Bảo lãnh	Bảo lãnh cho các khoản vay cấp cho	Số dư tại ngày	
		31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Ngân hàng Bảo Việt	Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú	41.241.275.183	71.622.051.183
Ngân hàng Vietcombank	Công ty Cổ phần PET Quốc tế	198.332.495.649	185.272.247.744
Ngân hàng Vietcombank	Công ty Cổ phần PET Quốc tế	32.895.204.268	52.500.033.112
Ngân hàng Vietcombank	Công ty Cổ phần Nắp Toàn cầu	227.064.810.342	140.965.941.239
		499.533.785.442	450.360.273.278

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

(c) Rủi ro thanh khoản

Mẫu B 09 - DN

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 - 2 năm VND	2 - 5 năm VND
Phải trả người bán và phải trả khác	412.705.576.630	412.705.576.630	412.705.576.630	-	-
Vay ngắn hạn	606.755.745.549	621.890.704.396	621.890.704.396	-	-
Vay dài hạn	40.000.000.000	48.861.111.111	-	48.861.111.111	-
Nợ thuế tài chính	39.114.593.533	45.426.788.998	16.811.064.612	14.827.401.261	13.788.323.125
	1.098.575.915.712	1.128.884.181.135	1.051.407.345.638	63.688.512.372	13.788.323.125

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 - 2 năm VND	2 - 5 năm VND
Phải trả người bán và phải trả khác	272.871.396.793	272.871.396.793	272.871.396.793	-	-
Vay ngắn hạn	534.007.038.667	548.089.247.217	548.089.247.217	-	-
Vay dài hạn	59.745.000.000	72.084.570.583	5.648.689.250	5.071.298.000	61.364.583.333
Nợ thuế tài chính	46.460.331.948	55.436.215.015	22.900.032.880	14.727.548.569	17.808.633.566
	913.083.767.408	948.481.429.608	849.509.366.140	19.798.846.569	79.173.216.899

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro hối đoái

Công ty có rủi ro hối đoái từ các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Tại ngày báo cáo, Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2014 USD	31/12/2013 USD
Tiền	34.732	11.995
Phải thu khách hàng	64.452	784.787
Phải trả người bán	(2.562.348)	(53.043)
Vay ngắn hạn	(9.322.802)	(3.873.081)
	(11.785.966)	(3.129.342)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày 31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
1 USD	21.373	21.077

Các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận/(lỗ) thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo là không trọng yếu. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau. Công ty không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Đầu tư ngắn hạn (tiền gửi kỳ hạn)	50.000.000.000	50.000.000.000
Nợ thuê tài chính	(39.114.593.533)	(46.460.331.948)
	10.885.406.467	3.539.668.052
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Tiền	24.771.706.640	57.162.418.135
Đầu tư ngắn hạn (cho các công ty con vay)	502.000.000.000	338.800.000.000
Vay ngắn hạn	(606.755.745.549)	(534.007.038.667)
Vay dài hạn	(40.000.000.000)	(59.745.000.000)
	(119.984.038.909)	(197.789.620.532)

Nếu lãi suất thị trường tăng 100 điểm sẽ làm giảm 936 triệu VND lợi nhuận thuần của Công ty (2013: tăng 713 triệu VND lợi nhuận thuần). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(c) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:		
- Tiền	30.314.568.295	57.619.034.740
- Đầu tư ngắn hạn (cho các công ty con vay)	502.000.000.000	338.800.000.000
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	242.491.518.485	220.548.930.815
- Đầu tư ngắn hạn (tiền gửi kỳ hạn)	50.000.000.000	50.000.000.000
	824.806.086.780	666.967.965.555
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:		
- Phải trả người bán và phải trả khác	(412.705.576.630)	(272.871.396.793)
- Vay ngắn hạn	(606.755.745.549)	(534.007.038.667)
- Vay dài hạn	(40.000.000.000)	(59.745.000.000)
- Nợ thuê tài chính	(39.114.593.533)	(46.460.331.948)
	(1.098.575.915.712)	(913.083.767.408)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

36. Các hoạt động đầu tư và tài chính phi tiền tệ

	2014	2013
	VND	VND
Nguyên giá của tài sản cố định được Công ty thuê lại dưới dạng thuê tài chính	17.106.519.795	-
Thuế giá trị gia tăng của tài sản cố định được Công ty thuê lại dưới dạng thuê tài chính	1.710.651.980	-
Hoàn nhập cổ tức	26.125.039.000	-

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Công ty liên quan	Nội dung giao dịch	2014 VND	2013 VND
Công ty Cổ phần sữa và bánh kẹo Hoàng Đế (trước đây là Công ty Cổ phần thực phẩm Đông Á)	Cho vay	6.800.000.000	205.800.000.000
	Mua thành phẩm	66.577.316	135.890.644
	Mua tài sản cố định hữu hình	-	600.000.000
	Mua nhãn hiệu thương mại	-	15.750.000.000
	Bán hàng hóa	20.072.000	52.830.000
	Thu nhập cho thuê	-	50.000.000
	Thu nhập lãi cho vay	12.707.097.750	14.501.235.699
Công ty Cổ phần PET Quốc tế	Vay	107.000.000.000	58.000.000.000
	Chi phí lãi vay	7.436.544.452	5.035.833.336
	Bán hàng hóa	257.166.810.305	251.053.237.320
	Mua hàng hóa	76.967.823.494	165.027.341.144
	Thu nhập cho thuê	120.000.000	120.000.000
	Chi phí thuê phải trả	-	245.000.000
	Mua tài sản cố định hữu hình	-	4.230.952.233
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú	Cho vay	191.200.000.000	408.250.000.000
	Vay	1.000.000.000	-
	Thu nhập cho thuê	3.198.000.000	390.000.000
	Chi phí thuê phải trả	228.000.000	228.000.000
	Bán hàng hóa	1.464.383.402	3.618.141.959
	Mua thành phẩm	59.983.565	200.366.694
	Mua nhãn hiệu thương mại	-	16.275.000.000
	Thu nhập lãi cho vay	26.625.952.230	32.123.624.857

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Công ty liên quan	Nội dung giao dịch	2014 VND	2013 VND
Công ty Cổ phần Nhựa P.E.T Việt Nam	Vay	-	10.000.000.000
	Bán hàng hóa	44.576.331.121	126.794.827.403
	Mua hàng hóa	48.630.713.751	143.712.758.961
	Hàng bán bị trả lại	42.879.596	6.514.261
	Thu nhập cổ tức	-	10.056.840.000
	Thu nhập bán tài sản cố định	105.000.000	-
	Chi phí lãi vay	694.444.448	598.472.220
	Phí thử nghiệm	98.352.600	-
	Chi phí thuê phải trả	-	633.783.150
Công ty Cổ phần Nắp Toàn cầu	Bán hàng hóa	350.862.316.480	271.683.121.300
	Mua hàng hóa	390.077.509.774	348.869.059.404
	Thu nhập cho thuê	3.360.500.000	3.360.000.000
	Chi phí lãi vay	4.997.055.558	2.606.666.668
	Vay	-	68.000.000.000
	Góp vốn	-	69.000.000.000
Thành viên Ban Giám Đốc và Hội đồng Quản trị	Lương và thưởng	13.502.038.461	7.222.042.000
	Hỗ trợ chi phí kinh doanh	12.710.000.000	-

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

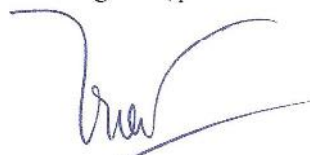
Mẫu B 09 – DN

38. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	349.947.617.828	318.500.916.838
Giá vốn hàng hóa đã bán	1.024.009.702.063	1.089.027.282.466
Chi phí nhân công và nhân viên	63.015.200.664	64.899.389.695
Chi phí khấu hao và phân bổ	44.063.986.685	44.143.698.265
Chi phí khác	94.629.543.015	131.827.419.732

Ngày 12 tháng 3 năm 2015

Người lập:



Đồng Thị Ngọc Triều
Kế toán trưởng

Người duyệt:




La Văn Hoàng
Tổng Giám đốc

